

Số: 303/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2022

V/v ly hôn giữa bà Châu, ông Đạt

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Lợi

2/ Ông Nguyễn Ngọc Hai

- Thư ký Tòa án phiên tòa: Bà Trần Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận PN.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận PN tham gia phiên tòa: bà Trần Ngọc Ánh
- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 550/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Phạm Thị C, sinh năm 1992

HKTT: lô D, chung cư Trần Kế Xương, Phường 07, PN, Tp. HCM.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã Gào, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: ông Nguyễn T. Đ., sinh năm 1988

HKTT: lô D, chung cư Trần Kế Xương, Phường 07, PN, Tp. HCM.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày:

Về hôn nhân: bà Phạm Thị C và ông Nguyễn T. Đ. tự nguyện tiến tới hôn nhân. Hai bên đã làm đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã Gào, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Giấy chứng nhận kết hôn số 06 do UBND xã Gào, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/3/2018). Cuộc sống gia đình ban đầu có hạnh phúc, hai bên cũng đã có con chung. Tuy nhiên sau khoảng 3 năm chung sống, đôi bên phát sinh nhiều mâu

thuần mà nguyên nhân là do ông Đạt có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà Châu đã thử tha thứ và hàn gắn gia đình nhưng không được, ông Đạt cũng không hợp tác. Kể từ thời gian hạn chế đi lại do đại dịch Covid-19 cho tới nay, ông Đạt bỏ nhà tới sống với người phụ nữ khác, từ đó tình cảm hôn nhân càng không thể cứu vãn. Do vậy mục đích hôn nhân không đạt được.

Vợ chồng bà Châu, ông Đạt đã ly thân hơn 01 năm nay và mỗi người đều đã có cuộc sống, công việc riêng không liên quan đến nhau. Bà Châu và con gái đã chuyển về quê ngoại ở tỉnh Gia Lai sinh sống. Vì vậy bà Phạm Thị C xin ly hôn với ông Nguyễn T. Đ. để sớm ổn định cuộc sống của mình.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Châu Ngọc Linh, sinh ngày 15/11/2019 (nữ). Hiện nay cháu Ngọc Linh còn rất nhỏ và đang sống với mẹ. Bà Châu yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: bà Châu và ông Đạt tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Châu xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Nguyễn T. Đ. nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an Phường 7, quận PN thì ông Nguyễn T. Đ. có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 404 lô D, chung cư Trần Kế Xương, Phường 07, PN, Tp. HCM, nhưng ông Đạt đi đâu không rõ từ tháng 01/2022, gia đình không liên lạc được với ông Đạt. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt giấy triệu tập đối với bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Phạm Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của mình.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận PN phát biểu ý kiến xác định: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận PN nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Do bị đơn ông Nguyễn T. Đ. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] *Về hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 06 do UBND xã Gào, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/3/2018, hôn nhân giữa bà Phạm Thị C và ông Nguyễn T. Đ. là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau và cùng vun đắp đời sống gia đình, nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà Châu, ông Đạt đã không còn có sự quan tâm, chia sẻ dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục. Việc không còn tình cảm vợ chồng làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà Châu, ông Đạt đã ly thân, không còn sống chung một mái nhà. Do đó yêu cầu của bà Châu được ly hôn ông Đạt là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[3] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Châu Ngọc Linh, sinh ngày 15/11/2019 (nữ). Hiện nay cháu Linh còn nhỏ, đang sống với mẹ. Do đó yêu cầu của bà Châu tiếp tục giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Châu tự thỏa thuận với ông Đạt, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đạt có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: bà Châu và ông Đạt tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: bà Châu xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về các vấn đề khác*: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] *Về án phí*: bà Châu phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 4 Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1.1 Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị C và ông Nguyễn T. Đ..

Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 09/3/2018 do UBND xã Gào, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp cho bà Phạm Thị C và ông Nguyễn T. Đ. không còn giá trị pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Châu Ngọc Linh, sinh ngày 15/11/2019 (nữ) cho bà Phạm Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét.

Ông Đạt có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

4. Về án phí: bà Phạm Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Châu đã nộp theo biên lai số AA/2021/0029023 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận PN. Bà Châu đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.PN;
- CCTHADS Q.PN;
- UBND xã Gà, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Minh Thúy